

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1067/2020/LĐ-PT**

Ngày: 04/12/2020

V/v tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Út**

Các Thẩm phán: Bà **Võ Thị Sang**

Bà **Bùi Thị Kim Dung**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Mai Thị Công Hoa** - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*** Ông
Trần Hồng Long - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27/11/2020 và 04/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý
số 40/LĐPT ngày 16 tháng 9 năm 2020 về việc “Tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 31/2020/LĐ-ST ngày 28/7/2020 của Tòa
án nhân dân Quận A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5243/2020/QĐPT-LĐ
ngày 16/10/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 18673/2020/QĐ-PT ngày
03/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 19239/2020/QĐ-PT ngày 17/11/2020,
giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông **Bùi Trung N**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 228B Đường A(số cũ: 1107/228B Đường B), Phường C, Quận D,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thùy T**, sinh
năm 1999; địa chỉ: 117A/E, Khu phố 5, phường E, Thành phố Biên Hòa, tỉnh

Đồng Nai; địa chỉ liên lạc: C3/45A Đường F, ấp 4, xã G, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 25/11/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Lưu Tuấn L** - Công ty Luật Thuận Nguyễn, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: C3/45A Đường F, ấp 4, xã G, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* **Công ty Trách nhiệm hữu hạn KM Việt Nam**

Trụ sở: Tầng 7 Tòa nhà I, 132 Đường K, phường L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Trần S**, sinh năm 1973; địa chỉ: 369/4 Đường M, Phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 19/11/2018).

- *Người kháng cáo:* Ông Bùi Trung N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn - ông Bùi Trung N ủy quyền cho ông Lưu Tuấn L làm đại diện trình bày:**

Ngày 22/5/2018, ông Bùi Trung N và Công ty Trách nhiệm hữu hạn KM Việt Nam (Sau đây gọi tắt là Công ty KM) ký hợp đồng thử việc với nội dung chủ yếu như sau: Thời hạn thử việc từ ngày 22 tháng 5 năm 2018 đến ngày 22 tháng 7 năm 2018; Vị trí công việc: Nhân viên; Mức lương: 13.430.000 đồng; Địa điểm làm việc: tại nhà máy sản xuất Công ty Trách nhiệm hữu hạn KM Việt Nam ở huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau đó Công ty KM đã có Quyết định cử ông N đi công tác từ ngày 01 đến ngày 21 tháng 7 năm 2019. Ngày 27/6/2018, Công ty KM và ông N ký bản cam kết về việc sẽ cam kết sau khi đào tạo xong, ông N sẽ phải làm việc cho Công ty KM ít nhất là 3 năm. Đến ngày 06/9/2018, ông Chu YongShik là giám đốc của Công ty KM nhắn tin cho ông N về việc thông báo ông N nghỉ việc. Không đồng ý với hành vi trên, ông N đã liên hệ với Công ty để hỏi lý do chấm dứt hợp đồng lao động tuy nhiên phía ông Chu Yong S cũng như Công ty KM không trả lời và đồng thời không cho ông N vào nhà máy để làm việc. Ngày 11/9/2018, ông Chu Yong S có email cho ông N, tuy nhiên nội dung email không thể hiện được lý do chấm dứt hợp đồng lao động và đồng thời Công ty cũng không có văn bản chính thức nào về việc cho ông N nghỉ việc. Sau đó Công ty KM có đưa ra thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động nhưng hai bên không thống nhất được. Ngày 13/9/2018, ông N có đến Phòng Lao động và Thương binh xã hội Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu hòa giải, giải quyết tranh chấp nói trên nhưng phía Công ty không có thiện chí hợp tác.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, ông N đã khởi kiện Công ty KM Việt Nam ra Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để buộc Công ty KM có nghĩa vụ:

- Trả sổ bảo hiểm xã hội, trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong thời gian nguyên đơn không được làm việc tạm tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 đến ngày 01 tháng 3 năm 2019 là 06 tháng x 4.800.000 đồng = 28.800.000 đồng.

- Trả lương trong thời gian nguyên đơn không được làm việc tạm tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 đến ngày 01 tháng 3 năm 2019 là 06 tháng x 15.800.000 đồng = 94.800.000 đồng.

- Buộc bị đơn bồi thường 02 tháng tiền lương do nguyên đơn không muốn trở lại làm việc tại công ty: 15.800.000 đồng x 02 tháng = 31.600.000 đồng.

- Buộc bị đơn bồi thường do bị đơn vi phạm quy định về thời hạn báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động 30 ngày là 15.800.000 đồng.

- Buộc bị đơn bồi thường 02 tháng tiền lương do bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: 15.800.000 đồng x 02 tháng = 31.600.000 đồng.

- Buộc bị đơn bồi thường khoản tiền để chấm dứt hợp đồng lao động là 03 tháng lương: 15.800.000 đồng x 03 tháng = 47.400.000 đồng

Tổng cộng là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Yêu cầu trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra nguyên đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*** Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn KM Việt Nam ủy quyền cho ông Trần S làm đại diện trình bày:**

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, Công ty KM và ông Bùi Trung N ký hợp đồng thử việc với nội dung như sau: Thời hạn thử việc từ ngày 22 tháng 5 năm 2018 đến ngày 22 tháng 7 năm 2018; Mức lương cơ bản: 9.700.000 đồng (hưởng 85% lương cơ bản). Ngày 27/6/2018, Công ty KM và ông N ký bản cam kết về việc sẽ cam kết sau khi đào tạo xong, ông N sẽ phải làm việc cho Công ty KM ít nhất là 3 năm. Các chi phí liên quan và phục vụ cho việc đào tạo là 18.665.821 đồng như tiền vé máy bay, lệ phí xin Visa, tiền lương trong thời hạn đào tạo.

Ngày 22/7/2018, Công ty KM và ông Bùi Trung N ký hợp đồng lao động xác định thời hạn 1 năm từ ngày 22/7/2018 đến 21/7/2019; vị trí: nhân viên, mức lương cơ bản 9.700.000 đồng. Ngày 07/9/2018, do nhu cầu sử dụng hai bên có thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động, nhưng ông N không đồng ý và bỏ về. Ngày 23/11/2018, 03/12/2018 và 13/12/2018, Công ty KM gửi thông báo cho ông Bùi Trung N và Phòng Lao động và Thương binh xã hội Quận A, Thành phố Hồ

Chí Minh đề yêu cầu hòa giải, giải quyết tranh chấp nói trên nhưng phía ông N không có thiện chí hợp tác.

Về yêu cầu khởi kiện, Công ty KM không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Trung N. Ngoài ra, Công ty KM có yêu cầu phản tố đối với ông Bùi Trung N như sau:

- Buộc nguyên đơn bồi thường cho bị đơn một nửa tháng tiền lương là 4.850.000 đồng.

- Buộc nguyên đơn bồi thường cho bị đơn một khoản tiền tương ứng với 01 tháng tiền lương của người lao động vi phạm thời hạn báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động là 9.700.000 đồng.

- Buộc nguyên đơn hoàn trả chi phí đào tạo khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 18.665.821 đồng.

Tổng cộng là 33.215.821 (Ba mươi ba triệu hai trăm mười lăm ngàn tám trăm hai mươi một ngàn) đồng.

*** Tại bản án lao động sơ thẩm số 31/2020/LĐ-ST ngày: 28-7-2020 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:**

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Trung N, về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn KM Việt Nam:

- Trả sổ bảo hiểm xã hội, trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong thời gian nguyên đơn không được làm việc tạm tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 đến ngày 01 tháng 3 năm 2019 là 06 tháng x 4.800.000 đồng = 28.800.000 đồng.

- Trả lương trong thời gian nguyên đơn không được làm việc tạm tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 đến ngày 01 tháng 3 năm 2019 là 06 tháng x 15.800.000 đồng = 94.800.000 đồng;

- Buộc bị đơn bồi thường 02 tháng tiền lương do nguyên đơn không muốn trở lại làm việc tại công ty: 15.800.000 đồng x 02 tháng = 31.600.000 đồng;

- Buộc bị đơn bồi thường do bị đơn vi phạm quy định về thời hạn báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động 30 ngày là 15.800.000 đồng;

- Buộc bị đơn bồi thường 02 tháng tiền lương do bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: 15.800.000 đồng x 02 tháng = 31.600.000 đồng;

- Buộc bị đơn bồi thường khoản tiền để chấm dứt hợp đồng lao động là 03 tháng lương: 15.800.000 đồng x 03 tháng = 47.400.000 đồng;

Tổng cộng là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn KM Việt Nam:

Buộc ông Bùi Trung N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn KM Việt Nam số tiền là 33.215.821 (Ba mươi ba triệu, hai trăm mười lăm ngàn, tám trăm hai mươi một ngàn) đồng, cụ thể:

- Bồi thường cho bị đơn một nửa tháng tiền lương là 4.850.000 đồng.
- Bồi thường cho bị đơn một khoản tiền tương ứng với 01 tháng tiền lương của người lao động vi phạm thời hạn báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động là 9.700.000 đồng.
- Hoàn trả chi phí đào tạo khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 18.665.821 đồng.

Thời hạn trả: Trả làm một lần ngay khi Bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí lao động sơ thẩm:

Ông Bùi Trung N không phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn KM Việt Nam không phải chịu án phí án phí lao động sơ thẩm vì các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận. Hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn KM Việt Nam tiền tạm ứng án phí đã nộp là 830.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2018/0007448 ngày 25/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/8/2020 ông Bùi Trung N kháng cáo bản án sơ thẩm Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn là ông Bùi Trung N và người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Thùy T, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Lưu Tuấn L trình bày:

Trước đây ông N có yêu cầu: Trả sổ bảo hiểm xã hội, trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong thời gian nguyên đơn không được làm việc tạm tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 đến ngày 01 tháng 3 năm 2019 là 06 tháng x 4.800.000 đồng = 28.800.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay ông N rút lại yêu cầu trả sổ bảo hiểm chỉ yêu cầu công ty đóng BHXH cho ông N từ tháng 11/2018 đến hết hạn hợp đồng là ngày 21/7/2019.

Các yêu cầu khác nguyên đơn vẫn giữ nguyên, gồm:

+ Trả lương trong thời gian nguyên đơn không được làm tính đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử tạm tính 9,5 tháng x 15.800.000đồng = 150.100.000đồng;

+ Buộc bị đơn bồi thường 02 tháng tiền lương do nguyên đơn không muốn trở lại làm việc tại công ty: 15.800.000 đồng x 02 tháng = 31.600.000 đồng;

+ Buộc bị đơn bồi thường do bị đơn vi phạm quy định về thời hạn báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động 30 ngày là 15.800.000 đồng;

+ Buộc bị đơn bồi thường 02 tháng tiền lương do bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: 15.800.000 đồng x 02 tháng = 31.600.000 đồng;

+ Buộc bị đơn bồi thường khoản tiền để chấm dứt hợp đồng lao động là 03 tháng lương: 15.800.000 đồng x 03 tháng = 47.400.000 đồng;

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận A, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần S trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N. Đình chỉ việc rút yêu cầu đòi bị đơn trả sở BHXH.

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 31/2020/LĐ-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

[1.1] Ngày 28/7/2020 Tòa án nhân dân Quận A tuyên xử bằng bản án lao động sơ thẩm số 31/2020/LĐ-ST. Ngày 10/8/2020 ông Bùi Trung N kháng cáo trong thời hạn luật định với yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, nên được chấp nhận.

[1.2] Tại phiên tòa phía nguyên đơn rút lại yêu cầu đòi Công ty Trách nhiệm hữu hạn KM Việt Nam trả sổ BHXH. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 22/5/2018, ông Bùi Trung N và Công ty Trách nhiệm hữu hạn KM Việt Nam ký hợp đồng thử việc với nội dung chủ yếu như sau: Thời hạn thử việc từ ngày 22/5/2018 đến ngày 22/7/2018; Ngày 22/7/2018, Công ty KM và ông Bùi Trung N ký hợp đồng lao động xác định thời hạn 1 năm từ ngày 22/7/2018 đến 21/7/2019; vị trí: nhân viên, mức lương cơ bản 9.700.000 đồng.

Tại phiên tòa: Phía nguyên đơn cho rằng ông Chu là giám đốc Công ty KM nhắn tin cho ông N vào ngày 06/9/2018 với nội dung: “Ông N, tôi đã suy nghĩ rất nhiều về vấn đề của bạn. Nhưng tiếc là chúng ta không thể làm việc cùng nhau vì một số lý do khách quan. Vì vậy, hãy tìm công việc khác. Hy vọng chúng ta có thể tạo dựng được mối quan hệ trong tương lai”.

Xét theo nội dung tin nhắn trên thì không có nội dung nào cho thấy là Công ty cho ông N thôi việc. Phía bị đơn trình bày đây chỉ là ý kiến đề xuất của ông Chu. Sau đó ngày 07/9/2018 công ty có thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với ông N nhưng ông N không đồng ý. Ngày 11/9/2018 Công ty có thông báo yêu cầu ông N trở lại làm việc vào ngày 12/9/2018. Phía ông N xác nhận ông N có nhận thông báo yêu cầu ông trở lại làm việc vào ngày 11/9/2018 nhưng ông N không đến công ty làm việc.

Xét; Việc Công ty có thông báo cho ông N yêu cầu ông trở lại làm việc nhưng ông không đến Công ty làm việc kể từ ngày 12/9/2018 cho đến ngày hợp đồng hết hạn là ông N là ông N vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng lao động ngày 22/7/2018, cụ thể ông Bùi Trung N tự ý bỏ việc, vi phạm nghĩa vụ, không hoàn thành công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động, không chấp hành lệnh điều hành kinh doanh, vi phạm nội quy kỷ luật lao động của doanh nghiệp. Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

Xét yêu cầu của bị đơn buộc ông Bùi Trung N bồi thường số tiền là 33.215.821 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo bản cam kết ngày 27/06/2016 giữa Công ty với ông N tại Điều 7 cam kết làm việc “*Sau khi được đào tạo và học tập tại nước ngoài và tại Việt Nam, học viên cam kết là ký hợp đồng lao động với công ty ít nhất là 3 năm (36 tháng) Nếu học viên tự ý thôi việc hoặc chuyển làm cho doanh nghiệp khác khi chưa hết hạn nêu trên mà không có lý do chính đáng sẽ bồi thường chi phí đào*

tạo cho công ty...”. Như vậy việc ông N tự ý bỏ việc, thì ông N phải bồi thường chi phí đào tạo theo như các bên đã cam kết.

Ngoài ra việc ông N không đến làm việc theo thông báo của Công ty là ông N đã vi phạm tại Hợp đồng lao động mà hai bên đã ký ngày 22/7/2018. Theo quy định tại Điều 43 Bộ luật lao động năm 2012 quy định: Nghĩa vụ của người lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật “*Không được trợ cấp thôi việc và phải bồi thường cho người sử dụng lao động nửa tháng tiền lương theo hợp đồng lao động; Nếu vi phạm quy định về thời hạn báo trước thì phải bồi thường cho người sử dụng lao động một khoản tiền lương tương ứng với tiền lương của người lao động trong những ngày không báo trước; Phải hoàn trả chi phí đào tạo cho người sử dụng lao động theo quy định tại Điều 62 của bộ luật này*”. Do đó án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty KM buộc ông Bùi Trung N bồi thường một nửa tháng tiền lương là 4.850.000 đồng; bồi thường một khoản tiền tương ứng với 01 tháng tiền lương của người lao động do vi phạm thời hạn báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động là 9.700.000 đồng và hoàn trả chi phí đào tạo khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 18.665.821 đồng, tổng cộng là 33.215.821 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở chấp nhận.

Đối với những phần quyết định khác của án sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Trung N được miễn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 244 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Điểm b khoản 2 Điều 5, Điều 15, Điều 22 Điều 43, Điều 62 Bộ luật Lao động năm 2012.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Trung N.
2. Sửa bản án sơ thẩm số 31/2020/LĐ-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi công ty Trách nhiệm hữu hạn KM Việt Nam trả sổ BHXH.
4. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Trung N, về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn KM Việt Nam thanh toán cho ông N các khoản như sau:

- Đóng BHXH cho ông N từ tháng 11/2018 đến hết hạn hợp đồng là ngày 21/7/2019.

- Trả lương trong thời gian nguyên đơn không được làm tính đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử tạm tính $9,5 \text{ tháng} \times 15.800.000 \text{ đồng} = 150.100.000 \text{ đồng}$; 02 tháng tiền lương do nguyên đơn không muốn trở lại làm việc tại công ty: $15.800.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 31.600.000 \text{ đồng}$; Bồi thường do bị đơn vi phạm quy định về thời hạn báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động 30 ngày là 15.800.000 đồng; Bồi thường 02 tháng tiền lương do bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: $15.800.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 31.600.000 \text{ đồng}$; Bồi thường khoản tiền để chấm dứt hợp đồng lao động là 03 tháng lương: $15.800.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ tháng} = 47.400.000 \text{ đồng}$;

5. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn KM Việt Nam:

- Buộc ông Bùi Trung N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn KM Việt Nam số tiền là 33.215.821 (Ba mươi ba triệu, hai trăm mười lăm ngàn, tám trăm hai mươi một ngàn) đồng, cụ thể:

- Bồi thường nửa tháng tiền lương là 4.850.000 đồng.
- Bồi thường 01 tháng tiền lương của người lao động vi phạm thời hạn báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động là 9.700.000 đồng.
- Hoàn trả chi phí đào tạo khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 18.665.821 đồng.

Thời hạn: Trả làm một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí lao động sơ thẩm:

Ông Bùi Trung N không phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn KM Việt Nam không phải chịu án phí án phí lao động sơ thẩm vì các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận. Hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn KM Việt Nam tiền tạm ứng án phí đã nộp là 830.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2018/0007448 ngày 25/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Trung N được miễn nộp.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TpHCM
- Viện kiểm sát nhân dân TpHCM;
- Tòa án nhân dân Quận A;
- Cục Thi hành án dân sự TpHCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận A;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Út